

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-001	Võ Bình An	20.05.1989	Nam	Kinh	Đắk Lắk
2	GCN1272026-002	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	21.03.2001	Nam	Kinh	Tây Ninh
3	GCN1272026-003	Nguyễn Quang Anh	16.11.1998	Nam	Kinh	Hưng Yên
4	GCN1272026-004	Phan Văn Hoài Anh	31.05.1991	Nam	Kinh	Đồng Tháp
5	GCN1272026-005	Nguyễn Trí Bá	30.05.1999	Nam	Kinh	Vĩnh Long
6	GCN1272026-006	Cao Phước Bạ	08.08.1986	Nam	Kinh	Đồng Tháp
7	GCN1272026-007	Vũ Đăng Bạ	06.10.1984	Nam	Kinh	Thái Bình
8	GCN1272026-008	Hồ Gia Bảo	26.11.1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng
9	GCN1272026-009	Trần Ngọc Bảo	05.06.1999	Nam	Kinh	Gia Lai
10	GCN1272026-010	Nguyễn Hải Bình	14.05.1985	Nam	Kinh	Đồng Nai
11	GCN1272026-011	Hứa Văn Càng	11.11.1984	Nam	Chăm	Khánh Hoà
12	GCN1272026-012	Nguyễn Gia Cát	26.03.1988	Nam	Kinh	Khánh Hòa
13	GCN1272026-013	Cao Công Chánh	07.02.1988	Nam	Kinh	Bình Định
14	GCN1272026-014	Cao Thị Mỹ Châu	20.05.1987	Nữ	Kinh	Tiền Giang
15	GCN1272026-015	Lê Trung Chiến	26.10.1984	Nam	Kinh	Bạc Liêu
16	GCN1272026-016	Huỳnh Văn Còn	08.05.1986	Nam	Kinh	Đồng Tháp
17	GCN1272026-017	Nguyễn Văn Công	07.08.1993	Nam	Kinh	Thái Bình
18	GCN1272026-018	Hà Đức Cử	19.05.1990	Nam	Thái	Thanh Hóa
19	GCN1272026-019	Bùi Quốc Cường	01.08.2004	Nam	Kinh	Bình Thuận
20	GCN1272026-020	Nguyễn Cao Cường	08.12.1980	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
21	GCN1272026-021	Nguyễn Hải Cường	20.11.1992	Nam	Kinh	Vĩnh Long
22	GCN1272026-022	Nguyễn Minh Cường	26.10.1983	Nam	Kinh	Vĩnh Long

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-023	Nguyễn Trung Cường	25.07.1986	Nam	Kinh	Kiên Giang
2	GCN1272026-024	Lương Văn Danh	24.04.1996	Nam	Kinh	Đà Nẵng
3	GCN1272026-025	Nguyễn Văn Danh	02.12.1996	Nam	Kinh	Bình Định
4	GCN1272026-026	Phạm Thành Danh	26.05.1983	Nam	Kinh	Đồng Nai
5	GCN1272026-027	Phan Anh Đào	07.02.1995	Nữ	Kinh	Vũng Tàu
6	GCN1272026-028	Nguyễn Quốc Đạt	10.10.1982	Nam	Kinh	TP HCM
7	GCN1272026-029	Cao Trung Định	10.01.1985	Nam	Kinh	Bình Định
8	GCN1272026-030	Đặng Văn Độ	12.10.1973	Nam	Kinh	Thanh Hoá
9	GCN1272026-031	Nguyễn Đình Đoan	16.10.1977	Nam	Kinh	Bến Tre
10	GCN1272026-032	Nguyễn Chí Đoàn	11.05.1990	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-033	Hoàng Ngọc Đôn	02.01.2000	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
12	GCN1272026-034	Cao xuân Đức	29.11.1995	Nam	Kinh	Hà Nội
13	GCN1272026-035	Ngô Anh Đức	26.07.1993	Nam	Kinh	Quảng Nam
14	GCN1272026-036	Bùi Văn Dũng	09.04.1982	Nam	Kinh	Hung Yên
15	GCN1272026-037	Lê Quốc Dũng	26.06.1995	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
16	GCN1272026-038	Lê Văn Dũng	04.09.1992	Nam	Kinh	Đắk Lắk
17	GCN1272026-039	Nguyễn Văn Dũng	14.12.1991	Nam	Kinh	Cần Thơ
18	GCN1272026-040	Nguyễn Thị Thuỷ Dương	15.10.1982	Nữ	Kinh	Gia Lai
19	GCN1272026-041	Lưu Xuân Dương	01.09.1998	Nam	Kinh	Đồng Nai
20	GCN1272026-042	Đặng Khương Duy	15.06.1992	Nam	Kinh	Ninh Bình
21	GCN1272026-043	Lý Ngọc Khả Duy	17.11.2004	Nam	Kinh	An Giang
22	GCN1272026-044	Nguyễn Thị Công Kim Duyên	15.06.1987	Nữ	Kinh	Khánh Hoà

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-045	Đỗ Văn Giang	20.05.1989	Nam	Kinh	Thanh Hóa
2	GCN1272026-046	Huỳnh Trường Giang	14.02.1991	Nam	Kinh	Cần Thơ
3	GCN1272026-047	Nguyễn Thanh Giang	05.01.2000	Nam	Kinh	TP HCM
4	GCN1272026-048	Phạm Vũ Trường Giang	02.09.1992	Nam	Kinh	Vĩnh Long
5	GCN1272026-049	Cao văn Hà	17.03.1991	Nam	Kinh	Cần Thơ
6	GCN1272026-050	Ngô Lê Hải	26.04.1988	Nam	Kinh	Đà Nẵng
7	GCN1272026-051	Nguyễn Hoàng Hải	16.01.1981	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-052	Nguyễn Thanh Hải	15.06.1980	Nam	Kinh	Khánh Hoà
9	GCN1272026-053	Nguyễn Văn Hải	14.07.1990	Nam	Kinh	Thanh Hóa
10	GCN1272026-054	Trần Minh Hải	19.07.1995	Nam	Kinh	Tp HCM
11	GCN1272026-055	Trương Minh Hải	28.01.1989	Nam	Kinh	Bình Định
12	GCN1272026-056	Nguyễn Kim Hạnh	21.07.1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk
13	GCN1272026-057	Hà Nhân Hậu	21.04.1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp
14	GCN1272026-058	Nguyễn Phúc Hậu	15.05.1982	Nam	Kinh	An Giang
15	GCN1272026-059	Vương Thế Hiển	02.12.1986	Nam	Kinh	Tây Ninh
16	GCN1272026-060	Nguyễn Hiệp	02.02.1990	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
17	GCN1272026-061	Nguyễn Hoàng Hiệp	25.12.1990	Nam	Kinh	Thanh Hoá
18	GCN1272026-062	Trần Sỹ Hiệp	15.07.1988	Nam	Kinh	Lâm Đồng
19	GCN1272026-063	Lại Thế Hiếu	15.12.1992	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-064	Lê Quang Hiếu	25.06.1979	Nam	Kinh	Bến Tre
21	GCN1272026-065	Nguyễn Trung Hiếu	22.07.1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk
22	GCN1272026-066	Nguyễn Công Hoá	26.03.1990	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
23	GCN1272026-067	Ngô Quốc Hòa	25.09.1993	Nam	Kinh	Lâm Đồng
24	GCN1272026-068	Trần Văn Hoạch	25.03.1989	Nam	Kinh	Ninh Bình
25	GCN1272026-069	Hồ Sỹ Hoàn	22.08.1987	Nam	Kinh	Nghệ An
26	GCN1272026-070	Đặng Huy Hoàng	11.09.1982	Nam	Kinh	Đồng Nai

Ấn định danh sách có: 26 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-071	Huỳnh Khánh Hoàng	03.04.1996	Nam	Kinh	TP HCM
2	GCN1272026-072	Nguyễn Quốc Hoàng	05.10.1982	Nam	Kinh	Tây Ninh
3	GCN1272026-073	Trình Minh Hoàng	04.05.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
4	GCN1272026-074	Phạm Văn Học	07.11.1996	Nam	Kinh	Hưng Yên
5	GCN1272026-075	Ngô Thị Thu Hồng	10.10.2003	Nữ	Kinh	Đà Nẵng
6	GCN1272026-076	Nguyễn Khắc Hùng	07.10.1993	Nam	Kinh	TP HCM
7	GCN1272026-077	Phan Thanh Hùng	11.07.1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk
8	GCN1272026-078	Hoàng Quang Hưng	05.04.1998	Nam	Kinh	Ninh Bình
9	GCN1272026-079	Bùi Minh Hương	03.07.1990	Nam	Kinh	Gia Lai
10	GCN1272026-080	Đàm Văn Hương	12.10.1987	Nam	Nùng	Lạng Sơn
11	GCN1272026-081	Chu Minh Huy	15.10.1990	Nam	Kinh	Đắk Lắk
12	GCN1272026-082	Lưu Gia Huy	05.06.1996	Nam	Kinh	TP HCM
13	GCN1272026-083	Nguyễn Ngọc Huy	17.12.1987	Nam	Kinh	Hải Phòng
14	GCN1272026-084	Phan Khắc Huy	16.05.1995	Nam	Kinh	Đồng Tháp
15	GCN1272026-085	Trà Quốc Huy	31.03.1996	Nam	Kinh	Đà Nẵng
16	GCN1272026-086	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	12.07.1992	Nữ	Kinh	Cà Mau
17	GCN1272026-087	Võ Tuấn Huyền	27.05.1991	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
18	GCN1272026-088	Lý Huỳnh	01.01.1992	Nam	Kinh	Cà Mau
19	GCN1272026-089	Đoàn Duy Khánh	17.02.1984	Nam	Kinh	Quảng Trị
20	GCN1272026-090	Trần Văn Khánh	18.04.1985	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
21	GCN1272026-091	Nguyễn Quốc Khánh	08.07.1985	Nam	Kinh	Cần Thơ
22	GCN1272026-092	Nguyễn Trọng Minh Khiêm	05.04.1995	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
23	GCN1272026-093	Lưu Xuân Khoa	14.05.1982	Nam	Kinh	Nam Định
24	GCN1272026-094	Nguyễn Hồng Khương	02.08.2001	Nam	Kinh	Gia Lai
25	GCN1272026-095	Phan Thị Kiều	27.02.1995	Nữ	Kinh	Đồng Nai
26	GCN1272026-096	Nguyễn Đình Kim	01.01.1989	Nam	Kinh	Đắk Lắk
27	GCN1272026-097	Lê Bá Kỳ	02.06.1991	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
28	GCN1272026-098	Lê Văn Lâm	29.03.1989	Nam	Kinh	Hải Phòng
29	GCN1272026-099	Nguyễn Vĩnh Lâm	10.01.1996	Nam	Kinh	Lâm Đồng
30	GCN1272026-100	Trần Thị Lành	10.11.1990	Nữ	Kinh	Đà Nẵng

Ấn định danh sách có: 30 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-101	Nguyễn Thành Lập	01.04.1992	Nam	Kinh	Gia Lai
2	GCN1272026-102	Đàm Thị Liên	29.04.1986	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
3	GCN1272026-103	Nguyễn Thị Khánh Linh	04.07.1999	Nữ	Kinh	Nghệ An
4	GCN1272026-104	Trần Tuấn Linh	09.08.1993	Nam	Kinh	Cà Mau
5	GCN1272026-105	Trần Tuấn Linh	17.04.1993	Nam	Kinh	Đồng Nai
6	GCN1272026-106	Phạm Võ Lộc	19.09.1999	Nam	Kinh	Đà Nẵng
7	GCN1272026-107	Phạm Xuân Lộc	07.08.1990	Nam	Kinh	TP HCM
8	GCN1272026-108	Lê Văn Lợi	28.05.1985	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
9	GCN1272026-109	Đặng Hoàng Phi Long	10.08.1989	Nam	Kinh	Tây Ninh
10	GCN1272026-110	Nguyễn Đăng Long	20.08.1982	Nam	Kinh	Quảng Trị
11	GCN1272026-111	Nguyễn Hoàng Long	16.07.2001	Nam	Kinh	TP HCM
12	GCN1272026-112	Nguyễn Lương Long	11.08.1986	Nam	Kinh	Đắk Lắk
13	GCN1272026-113	Nguyễn Thanh Long	28.11.1992	Nam	Kinh	Vũng Tàu
14	GCN1272026-114	Nguyễn Văn Long	28.09.1979	Nam	Kinh	Quảng Trị
15	GCN1272026-115	Nguyễn Anh Luân	24.12.1994	Nam	Kinh	Phú Yên
16	GCN1272026-116	Phan Thành Luân	16.02.2000	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
17	GCN1272026-117	Đặng Văn Lượng	20.10.1984	Nam	Kinh	Hải Phòng
18	GCN1272026-118	Quách Văn Luyến	09.06.1986	Nam	Mường	Hoà Bình
19	GCN1272026-119	Nguyễn Minh Lý	02.04.1999	Nam	Kinh	TP HCM
20	GCN1272026-120	Lê Xuân Mão	10.09.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
21	GCN1272026-121	Đỗ Đức Minh	23.12.1982	Nam	Kinh	Thanh Hóa
22	GCN1272026-122	Hồ Duy Minh	08.04.1985	Nam	Kinh	Bến Tre

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-123	Nguyễn Hoàng Minh	25.03.1987	Nam	Kinh	TP HCM
2	GCN1272026-124	Nguyễn Quang Minh	28.08.1972	Nam	Kinh	TP HCM
3	GCN1272026-125	Trần Ngọc Minh	25.10.1984	Nam	Kinh	Đắk Lắk
4	GCN1272026-126	Trần Phương Nam	23.05.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
5	GCN1272026-127	Trần Hữu Nghị	23.02.1994	Nam	Kinh	Bến Tre
6	GCN1272026-128	Huỳnh Long Nghĩa	19.11.1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp
7	GCN1272026-129	Lê Trọng Nghĩa	18.08.1981	Nam	Kinh	Trà Vinh
8	GCN1272026-130	Nguyễn Hiếu Nghĩa	01.01.1996	Nam	Kinh	Cần Thơ
9	GCN1272026-131	Nguyễn Thọ Nghĩa	01.12.1973	Nam	Kinh	Quảng Trị
10	GCN1272026-132	Nguyễn Trọng Nghĩa	12.10.1990	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-133	Phan Hồ Trọng Nghĩa	09.12.1984	Nam	Kinh	TP HCM
12	GCN1272026-134	Hoàng Bích Ngọc	20.01.1993	Nữ	Kinh	Đồng Nai
13	GCN1272026-135	Phạm Trọng Nguyễn	28.05.1998	Nam	Kinh	Cà Mau
14	GCN1272026-136	Phạm Cao Nguyên	10.08.1984	Nam	Kinh	Nam Định
15	GCN1272026-137	Bùi Nguyễn Thiện Nhân	04.10.1989	Nam	Kinh	Khánh Hoà
16	GCN1272026-138	Đồng Nguyên Nhất	05.09.2000	Nam	Kinh	Đắk Lắk
17	GCN1272026-139	Phan Thị Huỳnh Như	24.12.1994	Nữ	Kinh	Tiền Giang
18	GCN1272026-140	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22.07.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
19	GCN1272026-141	Trần Văn Phát	20.04.1984	Nam	Kinh	TP HCM
20	GCN1272026-142	Châu Định Phong	01.01.1981	Nam	Kinh	Lâm Đồng
21	GCN1272026-143	Đào Văn Phong	12.05.1995	Nam	Kinh	Ninh Bình
22	GCN1272026-144	Thái Phong	24.05.1991	Nam	Kinh	Hà Tĩnh

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 07

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-145	Huỳnh Văn Phú	20.07.1992	Nam	Kinh	An Giang
2	GCN1272026-146	Lê ngọc Phú	22.08.1994	Nam	Kinh	Đắk Lắk
3	GCN1272026-147	Võ Đại Phú	10.05.1984	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
4	GCN1272026-148	Dương Thành Phúc	18.08.1990	Nam	Kinh	TPHCM
5	GCN1272026-149	Nguyễn Văn Phúc	22.02.1986	Nam	Kinh	Gia Lai
6	GCN1272026-150	Trần Đình Phúc	15.08.1981	Nam	Kinh	Nghệ An
7	GCN1272026-151	Mai Quang Phước	12.10.1989	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
8	GCN1272026-152	Lê Phương	02.01.1989	Nam	Kinh	Đắk Lắk
9	GCN1272026-153	Phạm Thái Phương	21.03.1988	Nam	Kinh	Vĩnh long
10	GCN1272026-154	Trần Thanh Phương	05.08.1990	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-155	Nguyễn Đăng Quân	15.10.1985	Nam	Kinh	Thanh Hoá
12	GCN1272026-156	Vũ Mạnh Quân	08.08.1994	Nam	Kinh	Đồng Nai
13	GCN1272026-157	Phạm Đình Quang	28.01.1983	Nam	Kinh	Hải Phòng
14	GCN1272026-158	Trần Văn Quang	10.12.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
15	GCN1272026-159	Nguyễn Thế Quế	12.10.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
16	GCN1272026-160	Phạm Phú Quý	22.07.1981	Nam	Kinh	TP HCM
17	GCN1272026-161	Đoàn Văn Quý	14.07.1984	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
18	GCN1272026-162	Giang Văn Quỳnh	15.09.1984	Nam	Kinh	Thái Bình
19	GCN1272026-163	Trần Mộng Xuân Quỳnh	24.10.2005	Nữ	Kinh	TP HCM
20	GCN1272026-164	Nguyễn Văn SaLil	25.02.1984	Nam	Kinh	Vĩnh Long
21	GCN1272026-165	Nguyễn Trọng Hoàng Sa	22.03.1991	Nam	Kinh	I âm Đồng
22	GCN1272026-166	Lê Văn Sang	13.04.1996	Nam	Kinh	Kiên Giang

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 08

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-167	Trần Văn Sáng	01.01.1987	Nam	Kinh	Cần Thơ
2	GCN1272026-168	Nguyễn Nhật Sanh	15.09.1995	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
3	GCN1272026-169	Vũ Mai Sáu	21.05.1976	Nam	Kinh	Thanh Hóa
4	GCN1272026-170	Đỗ Ngọc Sơn	22.02.1982	Nam	Kinh	Nam Định
5	GCN1272026-171	Nguyễn Trường Xuân Sơn	25.01.1987	Nam	Kinh	Đắk Lắk
6	GCN1272026-172	Nông Công Sự	02.07.1988	Nam	Tày	Đồng Nai
7	GCN1272026-173	Nguyễn Thành Tài	01.01.1987	Nam	Kinh	Tây Ninh
8	GCN1272026-174	Nguyễn Văn Tài	01.12.1996	Nam	Kinh	Đồng Tháp
9	GCN1272026-175	Võ Thành Tài	27.09.1993	Nam	Kinh	TP HCM
10	GCN1272026-176	Hà Thanh Tâm	21.10.1993	Nam	Kinh	Quảng Trị
11	GCN1272026-177	Lê Sỹ Tâm	04.07.1982	Nam	Kinh	Vũng Tàu
12	GCN1272026-178	Nguyễn Hồng Thanh Tâm	12.07.1995	Nam	Kinh	Đồng Nai
13	GCN1272026-179	Hồ Văn Tân	13.11.1994	Nam	Kinh	Tây Ninh
14	GCN1272026-180	Hồ Trọng Tấn	21.04.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
15	GCN1272026-181	Trần Văn Thái	12.03.1992	Nam	Kinh	TP HCM
16	GCN1272026-182	Huỳnh Xuân Thắng	17.08.1977	Nam	Kinh	Gia Lai
17	GCN1272026-183	Nguyễn Công Thanh	13.12.1992	Nam	Kinh	Cà Mau
18	GCN1272026-184	Nguyễn Đông Thanh	24.06.1989	Nam	Kinh	Khánh Hòa
19	GCN1272026-185	Lê Văn Thành	06.05.1993	Nam	Kinh	Gia Lai
20	GCN1272026-186	Nguyễn Đức Thành	02.08.1981	Nam	Kinh	Gia Lai
21	GCN1272026-187	Phạm Văn Thạnh	10.09.1991	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
22	GCN1272026-188	Nguyễn Khoa Thi	04.07.1986	Nam	Kinh	Cần Thơ
23	GCN1272026-189	Lê Hồng Thiện	17.11.1989	Nam	Kinh	Bình Định
24	GCN1272026-190	Lê Văn Thiết	02.04.1987	Nam	Kinh	Thanh Hóa
25	GCN1272026-191	Đỗ Quốc Thịnh	18.09.1990	Nam	Kinh	Đồng Tháp
26	GCN1272026-192	Phạm Văn Thịnh	05.10.1992	Nam	Kinh	Đồng Nai

Ấn định danh sách có: 26 thí sinh./

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 09

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-193	Phạm Ngọc Thọ	27.12.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-194	Nguyễn Thị Tâm Thoa	16.04.1993	Nữ	Kinh	Lâm Đồng
3	GCN1272026-195	Nguyễn Nhật Thoại	19.04.1981	Nam	Kinh	Gia lai
4	GCN1272026-196	La Quang Thời	26.06.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
5	GCN1272026-197	Phạm Đình Thông	22.10.1988	Nam	Kinh	Nghệ An
6	GCN1272026-198	Nguyễn Hữu Thuận	02.07.1978	Nam	Kinh	Quảng Trị
7	GCN1272026-199	Đặng Văn Thực	29.01.1991	Nam	Kinh	Hưng Yên
8	GCN1272026-200	Nguyễn Văn Thương	02.08.1997	Nam	Kinh	TP HCM
9	GCN1272026-201	Lê Văn Tiến	02.02.1985	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
10	GCN1272026-202	Nguyễn Văn Tiến	30.08.1984	Nam	Kinh	Đắk Lắk
11	GCN1272026-203	Phạm Văn Tiến	03.04.1990	Nam	Kinh	Nghệ An
12	GCN1272026-204	Tăng Văn Tiền	15.01.1994	Nam	Kinh	TP HCM
13	GCN1272026-205	Nguyễn Thương Tín	06.12.1996	Nam	Kinh	Sóc Trăng
14	GCN1272026-206	Nguyễn Thanh Tịnh	29.09.1981	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
15	GCN1272026-207	Nguyễn Thanh Toàn	06.07.1981	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
16	GCN1272026-208	Trần Quốc Toàn	06.10.1983	Nam	Kinh	Phú Yên
17	GCN1272026-209	Vũ Thị Huyền Trang	21.04.1998	Nữ	Kinh	Thanh Hóa
18	GCN1272026-210	Lê Vĩnh Trí	12.12.1971	Nam	Kinh	Đà Nẵng
19	GCN1272026-211	Phan Văn Trí	02.10.1993	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
20	GCN1272026-212	Châu Đăng Trình	19.09.1979	Nam	Kinh	Tây Ninh
21	GCN1272026-213	Nguyễn Duy Trình	04.10.1991	Nam	Kinh	Gia Lai
22	GCN1272026-214	Võ Chí Trông	01.01.1991	Nam	Kinh	Bình Định

Ấn định danh sách có: 22 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP HỒ CHÍ MINH

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 10

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-215	Huỳnh Thị Thanh Trúc	23.04.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
2	GCN1272026-216	Đặng Thế Trung	16.01.1982	Nam	Kinh	TP HCM
3	GCN1272026-217	Nguyễn Chí Trung	12.07.1988	Nam	Kinh	Vĩnh Long
4	GCN1272026-218	Trần Thế Trung	01.02.1992	Nam	Kinh	TP HCM
5	GCN1272026-219	Chu Xuân Trường	27.05.1989	Nam	Kinh	Nghệ An
6	GCN1272026-220	Chu Văn Tứ	04.08.1987	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
7	GCN1272026-221	Huỳnh Thanh Tú	29.07.1988	Nam	Kinh	Cần Thơ
8	GCN1272026-222	Huỳnh Quốc Tuấn	28.04.1981	Nam	Kinh	Cà Mau
9	GCN1272026-223	Lê Anh Tuấn	08.07.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
10	GCN1272026-224	Phạm Anh Tuấn	25.03.1986	Nam	Kinh	TP HCM
11	GCN1272026-225	Dương Thanh Tùng	10.09.1980	Nam	Kinh	Ninh Bình
12	GCN1272026-226	Ngô Hoàng Tùng	18.05.1990	Nam	Kinh	Đà Nẵng
13	GCN1272026-227	Huỳnh Văn Tựu	16.07.1989	Nam	Kinh	Đà Nẵng
14	GCN1272026-228	Nguyễn Ngô Dũng Tuyền	18.11.1984	Nam	Kinh	Tiền Giang
15	GCN1272026-229	Nguyễn Văn Tuyền	08.05.1984	Nam	Kinh	Đà Nẵng
16	GCN1272026-230	Hà Thanh Văn	14.02.1992	Nam	Kinh	Vĩnh long
17	GCN1272026-231	Trần Lê Thuý Vi	11.08.1999	Nữ	Kinh	Trà Vinh
18	GCN1272026-232	Bùi Quang Viên	10.02.1986	Nam	Kinh	Đồng Nai
19	GCN1272026-233	Nguyễn Hữu Vinh	22.09.1993	Nam	Kinh	Long An
20	GCN1272026-234	Đinh Quang Vũ	17.10.1980	Nam	Kinh	Khánh Hòa
21	GCN1272026-235	Phạm Văn Vượng	02.12.1983	Nam	Kinh	Thái Bình
22	GCN1272026-236	Nguyễn Thanh Yến Vy	24.08.1990	Nữ	Kinh	TP HCM
23	GCN1272026-237	Huỳnh Văn Việt	29.04.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi

Ấn định danh sách có: 23 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 11

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-238	Lê Minh An	05.06.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-239	Vương Thị Bảo An	21.06.2004	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
3	GCN1272026-240	Dương Lê Hoàng Anh	11.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-241	Đàm Kim Anh	11.03.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
5	GCN1272026-242	Đàm Nguyễn Hữu Tuấn An	10.10.2004	Nam	Kinh	Thừa Thiên Huế
6	GCN1272026-243	Hạc Hà Anh	18.08.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
7	GCN1272026-244	Lê Đỗ Liên Anh	24.11.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-245	Nguyễn Đình Tuấn Anh	05.12.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-246	Nguyễn Hoàng Mai Anh	05.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-247	Nguyễn Thế Anh	25.05.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN1272026-248	Nguyễn Thị Lâm Anh	05.11.2001	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
12	GCN1272026-249	Vũ Tuấn Anh	20.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN1272026-250	Dương Thị Ngọc Ánh	30.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-251	Lê Thị Ánh	16.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-252	Lưu Thị Ngọc Ánh	20.07.2005	Nữ	Kinh	Ninh Bình
16	GCN1272026-253	Nguyễn Ngọc Ánh	09.07.2005	Nữ	Kinh	Bắc Giang
17	GCN1272026-254	Trần Ngọc Ánh	28.10.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	GCN1272026-255	Trần Thị Minh Ánh	05.09.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
19	GCN1272026-256	Trịnh Thị Ánh	27.03.2004	Nữ	Nùng	Thái nguyên
20	GCN1272026-257	Nguyễn Việt Bách	20.07.2005	Nam	Kinh	Phú Thọ
21	GCN1272026-258	Trần Văn Bách	26.05.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN1272026-259	Dương Ngọc Bảo	10.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN1272026-260	Đoàn Vũ Bảo	19.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-261	Lý Văn Bảo	03.05.2002	Nam	Nùng	Lạng Sơn
25	GCN1272026-262	Lương Xuân Bắc	25.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN1272026-263	Phạm Xuân Bắc	02.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
27	GCN1272026-264	Chu Văn Bình	08.04.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN1272026-265	Nguyễn Hoàng Bình	21.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN1272026-266	Nguyễn Văn Bình	07.06.2002	Nam	Kinh	Vũng Tàu
30	GCN1272026-267	Trần Nam Bình	27.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN1272026-268	Nguyễn Tú Bồn	16.09.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
32	GCN1272026-269	Đồng Mạnh Công	05.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN1272026-270	Lê Thành Công	20.11.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-271	Ngô Thành Công	24.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN1272026-272	Nguyễn Thành Công	18.07.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN1272026-273	Bùi Văn Cường	15.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN1272026-274	Nguyễn Duy Cường	16.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN1272026-275	Vũ Mạnh Cường	13.06.2005	Nam	Kinh	Hải Phòng
39	GCN1272026-276	Vũ Mạnh Cường	27.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 12

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-277	Nguyễn Hữu Cường	07.01.2007	Nam	Kinh	Hung Yên
2	GCN1272026-278	Nguyễn Kim Chi	03.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN1272026-279	Nguyễn Anh Chính	18.08.2004	Nam	Nùng	Bắc Ninh
4	GCN1272026-280	Lương Đức Chúc	25.07.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN1272026-281	Dương Văn Chung	12.03.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
6	GCN1272026-282	La Tiến Chung	07.06.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
7	GCN1272026-283	Nông Thị Chuyển	28.06.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
8	GCN1272026-284	Mông Hoàng Diệu	24.04.2003	Nữ	Ngạn	Hà Giang
9	GCN1272026-285	Vũ Thị Quỳnh Diệu	05.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-286	Đặng Thị Kim Dung	06.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN1272026-287	Hoàng Quốc Dũng	22.03.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN1272026-288	Ngô Anh Dũng	22.01.2004	Nam	Kimh	Phú Thọ
13	GCN1272026-289	Nguyễn Việt Dũng	22.07.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-290	Trương Quang Dũng	24.11.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN1272026-291	Dương Khánh Duy	24.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-292	Đặng Vũ Duy	25.09.2007	Nam	Tày	Lào Cai
17	GCN1272026-293	Hoàng Công Duy	11.07.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
18	GCN1272026-294	Nguyễn Khương Duy	26.02.2002	Nam	Nùng	Thái Nguyên
19	GCN1272026-295	Bùi Ánh Duyên	07.04.2004	Nữ	Mường	Phú Thọ
20	GCN1272026-296	Nguyễn Thị Thu Duyên	24.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-297	Nhữ Vũ Mỹ Duyên	08.11.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
22	GCN1272026-298	Hà Bình Dương	21.01.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN1272026-299	Ngô Xuân Dương	23.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-300	Nguyễn Cảnh Dương	21.01.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN1272026-301	Nguyễn Danh Dương	23.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN1272026-302	Phan Tùng Dương	11.02.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-303	Trần Văn Dương	26.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-304	Trần Thanh Đại	18.01.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
29	GCN1272026-305	Đỗ Đặng Linh Đan	18.01.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN1272026-306	Bùi Anh Đào	06.03.2005	Nam	Kinh	Yên Bái
31	GCN1272026-307	Dương Thành Đạt	01.12.2004	Nam	Kinh	
32	GCN1272026-308	Đào Tiến Đạt	06.10.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN1272026-309	Hoàng Văn Đạt	09.12.2002	Nam	Kinh	Hải Dương
34	GCN1272026-310	Phan Thành Đạt	23.07.2002	Nam	Sán Chi	Thái Nguyên
35	GCN1272026-311	Thân Trọng Đạt	21.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN1272026-312	Trần Đức Đạt	09.03.2004	Nam	Kinh	Quảng Ninh
37	GCN1272026-313	Tạ Ngọc Hải Đăng	05.03.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
38	GCN1272026-314	Dương Thế Định	07.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN1272026-315	Thân Nhân Đoàn	21.03.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 13

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-316	Đinh Bá Đông	15.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-317	Trần Phương Đông	13.10.2003	Nam	Kinh	Bình Phước
3	GCN1272026-318	Bùi Minh Đức	16.08.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-319	Giáp Minh Đức	26.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
5	GCN1272026-320	Hoàng Thái Đức	07.04.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
6	GCN1272026-321	Nguyễn Đăng Đức	04.08.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN1272026-322	Nguyễn Văn Giang	18.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-323	Nguyễn Thị Giang	07.02.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN1272026-324	Đào Hoàng Hà	29.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-325	Mã Lê Thanh Hà	06.08.2004	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
11	GCN1272026-326	Nguyễn Thị Ngọc Hà	08.09.1996	Nữ	Kinh	Hà Nội
12	GCN1272026-327	Chu Khánh Hạ	20.06.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
13	GCN1272026-328	Nguyễn Thị Hà	18.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-329	Hoàng Thị Hải	23.05.2004	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
15	GCN1272026-330	Lê Minh Hải	08.12.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
16	GCN1272026-331	Nguyễn Phú Hanh	17.06.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
17	GCN1272026-332	Nguyễn Đức Hạnh	04.01.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
18	GCN1272026-333	Trương Minh Hạnh	08.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-334	Đỗ Thị Hậu	09.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-335	Lê Thị Hậu	01.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-336	Trần Thị Hiền	25.01.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN1272026-337	Nguyễn Minh Hiện	15.11.2003	Nam	Kinh	Hung Yên
23	GCN1272026-338	Đỗ Văn Hiệp	24.08.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-339	Trần Hoàng Hiệp	05.02.2004	Nam	Kinh	Tuyên Quang
25	GCN1272026-340	Trần Thế Hiếu	17.04.2005	Nam	Kinh	Hà Nội
26	GCN1272026-341	Đỗ Quang Hiếu	27.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-342	Nguyễn Minh Hiếu	02.11.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-343	Bùi Thị Hoa	12.07.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
29	GCN1272026-344	Phan Thị Hoài	01.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN1272026-345	Nguyễn Văn Hoan	28.01.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN1272026-346	Khúc Thư Hoàn	20.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN1272026-347	Vũ Ngọc Hoàn	21.06.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
33	GCN1272026-348	Bùi Thế Hoàng	28.05.2007	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-349	Đặng Việt Hoàng	21.02.2003	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
35	GCN1272026-350	Lương Việt Hoàng	28.03.2007	Nam	Kinh	Phú Thọ
36	GCN1272026-351	Ngô Huy Hoàng	10.08.2005	Nam	Kinh	Hà Nội
37	GCN1272026-352	Thân Việt Hoàng	12.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
38	GCN1272026-353	Phạm Khả Hoàn	15.12.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
39	GCN1272026-354	Phạm Thị Hồng	11.10.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 14

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-355	Nguyễn Thị Hồng Huệ	31.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-356	Dương Đình Hùng	08.05.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN1272026-357	Đỗ Quang Huy	13.09.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN1272026-358	Leo Gia Huy	21.06.2007	Nam	Sán Dìu	Bắc Giang
5	GCN1272026-359	Nguyễn Quang Huy	02.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN1272026-360	Nguyễn Tiến Huy	14.10.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
7	GCN1272026-361	Nguyễn Tuấn Huy	26.12.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-362	Thân Ngọc Huy	01.04.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-363	Trần Bùi Quang Huy	07.10.2007	Nam	Kinh	Phú Thọ
10	GCN1272026-364	Long Viết Hưng	10.04.2002	Nam	Nùng	Lạng Sơn
11	GCN1272026-365	Diêm Đăng Hưng	26.03.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN1272026-366	Lê Quỳnh Hương	29.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN1272026-367	Hà Ngọc Hữu	11.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-368	Trần Văn Kiên	10.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-369	Đỗ Hữu Kiên	02.02.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
16	GCN1272026-370	Trần Tuấn Kiệt	14.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN1272026-371	Cao Tiến Khải	18.05.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
18	GCN1272026-372	Lê Tuấn Khanh	04.03.2006	Nam	Kinh	Phú Thọ
19	GCN1272026-373	Dương Duy Khánh	01.11.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-374	Dương Minh Khoa	01.05.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-375	Hoàng Đăng Khoa	05.11.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
22	GCN1272026-376	Nguyễn Đăng Khoa	20.12.2002	Nam	Kinh	Phú Thọ
23	GCN1272026-377	Hoàng Thị Lan	16.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-378	Vi Ngọc Lan	01.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
25	GCN1272026-379	Bàn Minh Lâm	09.11.2005	Nam	Dao	Tuyên Quang
26	GCN1272026-380	Vũ Minh Lân	17.08.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-381	Bùi Hải Linh	07.01.2004	Nam	Kinh	Ninh Bình
28	GCN1272026-382	Ma Thủy Linh	21.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
29	GCN1272026-383	Nguyễn Việt Linh	28.08.2004	Nam	Nùng	Lạng Sơn
30	GCN1272026-384	Phan Thị Thủy Linh	17.01.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN1272026-385	Trần Phương Linh	18.12.2006	Nữ	Kinh	Lào Cai
32	GCN1272026-386	Vũ Thị Nhật Linh	02.10.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
33	GCN1272026-387	Đỗ Thanh Loan	28.10.2004	Nữ	Kinh	Nam Định
34	GCN1272026-388	Nguyễn Thị Loan	29.12.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN1272026-389	Bùi Hoàng Long	09.12.2005	Nam	Kinh	Hung Yên
36	GCN1272026-390	Vũ Thị Hải Lộc	24.05.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
37	GCN1272026-391	Nguyễn Thị Lụa	25.03.2003	Nữ	Kinh	Ninh Bình
38	GCN1272026-392	Nguyễn Đức Luân	27.09.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
39	GCN1272026-393	Trần Hữu Lực	16.08.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 15

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-394	Hứa Thị Ly Ly	20.06.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
2	GCN1272026-395	Nguyễn Hà Diệu Mai	28.09.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN1272026-396	Nguyễn Ngọc Mạnh	14.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-397	Trần Chu Viên Minh	29.12.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
5	GCN1272026-398	Trần Nhật Minh	21.10.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN1272026-399	Trương Công Minh	18.11.2003	Nam	Mường	Thái Nguyên
7	GCN1272026-400	Vũ Quang Minh	06.05.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN1272026-401	Hà Ngọc Thảo My	23.04.2002	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-402	Nguyễn Huyền My	09.03.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
10	GCN1272026-403	Trần Huyền My	23.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN1272026-404	Hoàng Hoài Nam	11.04.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN1272026-405	Lương Ngọc Nam	07.08.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN1272026-406	Nguyễn Văn Nam	27.11.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN1272026-407	Dương Lê Phúc Nam	11.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-408	Nguyễn Hải Ninh	01.01.2004	Nam	Kinh	Ninh Bình
16	GCN1272026-409	Hoàng Thị Quỳnh Nương	26.10.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
17	GCN1272026-410	Hà Triệu Nga	14.09.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN1272026-411	Trần Thị Tuyết Nga	17.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-412	Nguyễn Thúy Ngân	06.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-413	Tô Trọng Nghĩa	13.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN1272026-414	Nguyễn Ánh Ngọc	12.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
22	GCN1272026-415	Phạm Hồng Ngọc	13.01.2005	Nữ	Tày	Lào Cai
23	GCN1272026-416	Nguyễn Đức Nguyên	05.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN1272026-417	Nguyễn Tiến Nguyên	17.01.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN1272026-418	Nguyễn Trung Nguyên	31.03.2004	Nam	Kinh	Hà Nam
26	GCN1272026-419	Phạm Thị Thảo Nguyên	22.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-420	Dương Thị Nguyệt	25.04.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-421	Nông Hồ Nhật	20.02.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
29	GCN1272026-422	Nguyễn Thị Yến Nhi	07.11.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
30	GCN1272026-423	Trần Thị Hồng Nhung	28.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN1272026-424	Vũ Thị Hồng Nhung	21.01.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN1272026-425	Hầu Vĩnh Oanh	29.07.2004	Nữ	Cao Lan	Thái Nguyên
33	GCN1272026-426	Nguyễn Xuân Phong	07.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-427	Dương Mạnh Phú	22.09.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN1272026-428	Nguyễn Hoàng Phúc	19.12.2006	Nam	Kinh	Hà Nội
36	GCN1272026-429	Dương Anh Phụng	25.09.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN1272026-430	Ngô Hữu Phước	17.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN1272026-431	Đào Thu Phương	27.03.2000	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN1272026-432	Nguyễn Minh Phương	11.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 16

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-433	Nguyễn Minh Phương	25.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN1272026-434	Nguyễn Tá Phương	15.07.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN1272026-435	Trần Đỗ Lan Phương	23.04.2004	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
4	GCN1272026-436	Trần Hoàng Phương	13.06.2004	Nữ	Tày	Bắc Ninh
5	GCN1272026-437	Giàng Thị Phụng	15.06.2004	Nữ	H'mông	Lào Cai
6	GCN1272026-438	Ngô Ngọc Quang	25.10.2004	Nam	Kinh	Hung Yên
7	GCN1272026-439	Lý Hồng Quân	14.09.2003	Nam	Sán Dìu	Bắc Ninh
8	GCN1272026-440	Dương Trung Quốc	26.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN1272026-441	Mai Ngọc Quý	26.03.2006	Nam	Kinh	Yên Bái
10	GCN1272026-442	Nguyễn Văn Quyền	05.08.2004	Nam	Kinh	Lào Cai
11	GCN1272026-443	Dương Thị Quỳnh	10.07.2004	Nữ	Dao	Thái Nguyên
12	GCN1272026-444	Dương Thị Thúy Quỳnh	28.05.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN1272026-445	Đặng Thanh Sâm	01.05.2002	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
14	GCN1272026-446	Tạ Văn Sinh	05.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN1272026-447	Nguyễn Hữu Nhật Tân	13.01.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-448	Lò Văn Tập	10.11.2004	Nam	Thái	Sơn La
17	GCN1272026-449	Đặng Quý Tiến	07.08.2000	Nam	Dao	Thái Nguyên
18	GCN1272026-450	Kiều Hoàng Tiến	23.06.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN1272026-451	Lương Đình Tiến	02.08.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-452	Đỗ Đăng Tiệp	19.12.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN1272026-453	Nguyễn Thị Tĩnh	25.01.2004	Nữ	Mường	Phú Thọ
22	GCN1272026-454	Phạm Tiến Toàn	20.10.1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN1272026-455	Nghiêm Văn Tú	18.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN1272026-456	Nguyễn Mạnh Tú	18.05.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
25	GCN1272026-457	Trần Anh Tú	16.02.2005	Nam	Kinh	Lào Cai
26	GCN1272026-458	Nguyễn Đức Tuấn	30.08.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN1272026-459	Lê Quốc Tuấn	19.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN1272026-460	Nguyễn Anh Tuấn	05.08.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
29	GCN1272026-461	Phan Sỹ Minh Tuấn	10.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN1272026-462	Vũ Hoàng Tuấn	09.09.2002	Nam	Kinh	Hà Giang
31	GCN1272026-463	Lê Huy Tùng	17.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN1272026-464	Vũ Quang Tùng	12.09.2001	Nam	Tày	Thái Nguyên
33	GCN1272026-465	Nguyễn Đức Tuyển	18.03.2006	Nam	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN1272026-466	Vũ Thị Ánh Tuyết	01.10.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
35	GCN1272026-467	Vũ Minh Tước	18.11.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
36	GCN1272026-468	Nguyễn Hữu Tường	25.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN1272026-469	Trương Thanh Thái	26.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
38	GCN1272026-470	Nguyễn Phương Thanh	17.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
39	GCN1272026-471	Hà Việt Thành	21.08.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 39 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 17

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-472	Nguyễn Hữu Thành	22.10.2002	Nam	Kinh	Hưng Yên
2	GCN1272026-473	Đỗ Thị Thảo	19.04.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN1272026-474	Hà Phương Thảo	28.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN1272026-475	Lý Thị Thảo	22.09.2004	Nữ	Dao	Thái Nguyên
5	GCN1272026-476	Phạm Phương Thảo	28.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN1272026-477	Trần Thị Thanh Thảo	04.02.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
7	GCN1272026-478	Triệu Thanh Thảo	04.04.2004	Nữ	Dao	Tuyên Quang
8	GCN1272026-479	Vũ Phương Thảo	02.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-480	Nguyễn Đức Thắng	02.09.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-481	Nguyễn Quang Thắng	15.07.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
11	GCN1272026-482	Long Minh Thiên	06.07.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
12	GCN1272026-483	Lục Sĩ Thiện	26.02.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
13	GCN1272026-484	Hoàng Đức Thuần	18.10.2002	Nam	Tày	Bắc Kạn
14	GCN1272026-485	Nguyễn Thanh Thủy	05.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
15	GCN1272026-486	Nguyễn Thị Thanh Thủy	04.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-487	Dương Xuân Thủy	07.09.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN1272026-488	Nguyễn Văn Thư	29.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN1272026-489	Lưu Hoài Thương	30.06.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
19	GCN1272026-490	Nguyễn Thị Hoài Thương	18.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN1272026-491	Dương Thị Hương Trà	24.08.2004	Nữ	Tày	Lạng Sơn

Ấn định danh sách có: 20 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 18

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN1272026-492	Trương Mỹ Trà	16.06.2002	Nữ	Mường	Thanh Hoá
2	GCN1272026-493	Đỗ Thị Thu Trang	29.01.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
3	GCN1272026-494	Khổng Thu Trang	25.10.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
4	GCN1272026-495	Nguyễn Thu Trang	15.05.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN1272026-496	Hoàng Thanh Trúc	12.09.2003	Nữ	Tày	Yên Bái
6	GCN1272026-497	Trần Quang Trung	09.01.2002	Nam	Nùng	Thái Nguyên
7	GCN1272026-498	Hoàng Đình Trường	07.02.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
8	GCN1272026-499	Phạm Trọng Trường	28.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN1272026-500	Nguyễn Văn Trường	02.04.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN1272026-501	Hoàng Xuân Trường	04.04.2005	Nam	Kinh	Quảng Trị
11	GCN1272026-502	Hoàng Thị Thanh Uyên	08.03.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
12	GCN1272026-503	Ôn Văn Việt	19.09.1997	Nam	Sán dìu	Thái Nguyên
13	GCN1272026-504	Nguyễn Quang Vinh	16.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN1272026-505	Ngô Văn Vĩnh	11.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN1272026-506	Lưu Quang Vũ	24.07.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN1272026-507	Trần Lâm Vũ	10.11.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN1272026-508	Phạm Thảo Vy	29.07.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
18	GCN1272026-509	Vũ Yến Vy	30.07.2003	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
19	GCN1272026 510	Hoàng Thị Xanh	27.03.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
20	GCN1272026-511	Nguyễn Thị Hương Xuân	22.06.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 20 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐHTN

NGÀY THI: 12/7/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 19

MÔN: TIẾNG PHÁP

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	PHAP1272026-001	Chu Tuấn Anh	03.06.2005	Nam	Tày	Cao Bằng
2	PHAP1272026-002	Lê Tú Anh	18.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	PHAP1272026-003	Nguyễn Ngọc Anh	01.06.2005	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
4	PHAP1272026-004	Trần Hà Anh	17.06.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	PHAP1272026-005	Lưu Ngọc Ánh	09.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	PHAP1272026-006	Trần Thành Công	20.01.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
7	PHAP1272026-007	Ma Luân Diệu Chi	30.06.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
8	PHAP1272026-008	Nghiêm Linh Chi	26.10.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
9	PHAP1272026-009	Ngô Thị Huyền Dịu	10.04.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
10	PHAP1272026-010	Nông Thị Dung	16.01.2005	Nữ	La Chí	Tuyên Quang
11	PHAP1272026-011	Phạm Thuỳ Dung	16.11.2005	Nữ	Kinh	Phú Thọ
12	PHAP1272026-012	Lê Thị Mỹ Duyên	14.11.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
13	PHAP1272026-013	Ngô Thị Bích Đào	30.03.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	PHAP1272026-014	Trần Hải Đăng	10.04.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	PHAP1272026-015	Ngô Thị Giang	12.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	PHAP1272026-016	Nguyễn Thị Thu Hà	28.08.2004	Nữ	Kinh	Hung Yên
17	PHAP1272026-017	Trần Thu Hà	06.10.2005	Nữ	Sán Chí	Thái Nguyên
18	PHAP1272026-018	Lê Trần Minh Hằng	01.04.2005	Nữ	Kinh	Phú Thọ
19	PHAP1272026-019	Triệu Mỹ Hằng	24.01.2005	Nữ	Dao	Lạng Sơn
20	PHAP1272026-020	Hoàng Thị Hiền	22.03.2005	Nữ	Giáy	Tuyên Quang
21	PHAP1272026-021	Tạ Thị Hương	30.04.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	PHAP1272026-022	Nguyễn Tất Kiên	23.06.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	PHAP1272026-023	Đàm Thị Diễm Linh	20.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
24	PHAP1272026-024	Nguyễn Hương Linh	23.04.2005	Nữ	Kinh	Thái nguyên
25	PHAP1272026-025	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	25.02.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
26	PHAP1272026-026	Hà Dương Long	14.10.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
27	PHAP1272026-027	Nguyễn Thị Thảo Ly	20.08.2005	Nữ	Kinh	Sơn La
28	PHAP1272026-028	Cao Thị Hoàng Oanh	23.05.2005	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
29	PHAP1272026-029	Dương Thị Diễm Quỳnh	18.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
30	PHAP1272026-030	Chu Đức Tiến	18.10.2005	Nam	Nùng	Lạng Sơn
31	PHAP1272026-031	Nguyễn Thị Giang Thanh	22.07.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
32	PHAP1272026-032	Dương Thị Thu Trang	31.08.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	PHAP1272026-033	Dương Thanh Trúc	04.08.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	PHAP1272026-034	Long Thị Vân	19.10.2005	Nữ	Nùng	Cao Bằng
35	PHAP1272026-035	Nguyễn Thị Hồng Vân	04.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	PHAP1272026-036	Lê Tuấn Vũ	18.10.2001	Nam	Nùng	Tuyên Quang
37	PHAP1272026-037	Nguyễn Thị Yến	29.01.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.